

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 481/2026/DS-PT

Ngày: 13-5-2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 250/2025/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 326/2026/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 442/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 535/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Quách Thái H, sinh năm 1967. (có mặt)

+ Bà Lê Thị Thu S, sinh năm 1969. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1964.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

(ông K ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng)

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2025, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Quách Thái H, bà Lê Thị Thu S trình bày:*

Vào ngày 05/01/2024, ông H và bà S có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T vay số tiền là 864.000.000 (tám trăm sáu mươi bốn triệu) đồng với lãi suất 2%/tháng, hai bên không thỏa thuận cụ thể thời gian trả nợ mà chỉ thỏa thuận bên bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ đóng lãi hàng tháng, đến khi nào ông H, bà S cần đòi lại tiền vốn thì thông báo cho nhau thời gian hợp lý.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bên bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T giao cho ông H, bà S hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm: Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.081 m²; Thửa đất số 304, tờ bản đồ số 11, diện tích 918.6 m². Ngoài ra, hai bên thỏa thuận, trong thời gian 03 tháng, bên bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T không đóng tiền lãi thì bên ông Quách Thái H, bà Lê Thị Thu S được quyền tiến hành thủ tục để sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 22/11/2024, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 11 diện tích 3.081 m², do đó bên nguyên đơn chỉ còn giữ lại một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 304, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn ông Quách Thái H, bà Lê Thị Thu S vẫn giữ nguyên quan điểm tại đơn khởi kiện, cụ thể yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông H, bà S số tiền vay còn thiếu là 864.000.000 (tám trăm sáu mươi bốn triệu) đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày 05/01/2024 đến ngày 30/9/2025, với thời gian tính lãi là 20 tháng 25 ngày, lãi suất 1,66%/tháng, số tiền lãi được tính như sau: 864.000.000 đồng x 20 tháng 25

ngày x 1,66%/tháng = 298.820.000 đồng. Bên bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T đã đóng được tiền lãi là 215.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại là 83.820.000 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền vốn và tiền lãi bên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả là: 864.000.000 đồng + 83.820.000 đồng = 947.820.000 (chín trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 01 bản chính hợp đồng thỏa thuận vay tiền ngày 05 tháng 01 năm 2024 do nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T thừa nhận bà T và ông K có vay của nguyên đơn tiền, tuy nhiên số tiền vay chỉ có 700.000.000 đồng, không phải số tiền 864.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn nên chỉ đồng ý trả 700.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 250/2025/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long đã tuyên:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 280, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quách Thái H, bà Lê Thị Thu S đối với ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Quách Thái H, bà Lê Thị Thu S số tiền vay là 947.820.000 (chín trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng. Trong đó, tiền vốn gốc là 864.000.000 đồng, tiền lãi là 83.820.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, thi hành bản án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/10/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do không thừa nhận có vay số tiền 864.000.000 đồng mà chỉ có vay 700.000.000 đồng và không được Tòa án công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bị đơn trả số tiền vay là 700.000.000 đồng và buộc nguyên đơn trả các Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bị đơn.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nguyên đơn đồng ý trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 250/2025/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long theo hướng buộc ông H, bà S trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 304, tờ bản đồ 11, diện tích 918,6m² đang chiếm giữ cho bà T, ông K; đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 102, tờ bản đồ 11, diện tích 3.081m² hiện do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B thu hồi, sau khi điều chỉnh biến động thì giao lại cho ông K, bà T tiếp tục quản lý, sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Ngày 05/01/2024, ông Quách Thái H, bà Lê Thị Thu S có lập hợp đồng thỏa thuận vay tiền với bên bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T. Theo sự thỏa thuận giữa hai bên, ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T vay của ông Quách Thái H, bà Lê Thị Thu S số tiền là 864.000.000 (tám trăm sáu mươi bốn triệu) đồng, lãi suất là 2%/tháng. Hai bên không thỏa thuận cụ thể thời gian trả nợ

mà chỉ thỏa thuận với bên bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ đóng tiền lãi hàng tháng. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bên bị đơn ông K, bà T giao cho ông H, bà S hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm thửa đất số 102, tờ bản đồ số 11 diện tích 3.081 m² và thửa đất số 304, tờ bản đồ số 11, diện tích 918.6 m².

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T đã đóng được số tiền lãi là 215.000.000 đồng. Sau đó, bên bị đơn không đóng lãi nữa và cũng không trả vốn. Xét thấy bên bị đơn ông K, bà T đã thực hiện xong quyền nhận số tiền vay quy định tại Điều 464 Bộ luật Dân sự, tuy nhiên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đóng tiền lãi theo thỏa thuận là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Hợp đồng vay tiền giữa hai bên ký kết là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi suất, nên bên nguyên đơn được quyền đòi lại số tiền vay bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bị đơn một thời gian hợp lý.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T cho rằng chỉ vay của bà S, ông H số tiền 700.000.000 đồng, giấy vay năm 2022 nhưng phía nguyên đơn cho rằng giấy vay số tiền 700.000.000 đồng này bị đơn đã trả xong và vay tiếp số tiền 864.000.000 đồng theo giấy vay ngày 05/01/2024. Bà T trình bày nguyên đơn buộc bà ký tên vào giấy vay nhưng không có gì chứng minh nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T thừa nhận bà T và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng hợp pháp và thừa nhận chữ ký “T” và chữ viết “Nguyễn Thị T” là do bà T ký tên và viết ra, chữ ký “Khai” là do ông Nguyễn Văn K ký ra, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, ông Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà T là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách Thái H, bà Lê Thị Thu S là có cơ sở nên được chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 05/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/9/2025, với thời gian tính lãi là 20 tháng 25 ngày, lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Số tiền lãi được tính như sau: 864.000.000 đồng x 20 tháng 25 ngày x 1,66%/tháng = 298.820.000 đồng. Bên bị đơn đã đóng được tiền lãi là 215.000.000 đồng, nên số tiền lãi còn lại là 83.820.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền vốn và tiền lãi bên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả là: 864.000.000 đồng + 83.820.000 đồng = 947.820.000 (chín trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

2.3. Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bên bị đơn giao cho nguyên đơn gồm: Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.081 m² và thửa đất số 304, tờ bản đồ số 11 diện tích 918.6 m². Đến ngày 22/11/2024, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B, tỉnh Bến Tre thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 11 để điều chỉnh biên động. Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý giao lại cho bị đơn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, nên ghi nhận và không cần thiết phải sửa án sơ thẩm.

[3] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T cũng như những lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên do ông Nguyễn Văn K là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 250/2025/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quách Thái H, bà Lê Thị Thu S đối với ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Quách Thái H, bà Lê Thị Thu S số tiền vay là 947.820.000 (chín trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng gồm tiền vốn gốc là 864.000.000 đồng và tiền lãi là 83.820.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận nguyên đơn ông Quách Thái H, bà Nguyễn Thị Thu S1 đồng ý trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 102, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.081 m² hiện do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B, tỉnh Bến Tre (cũ) thu hồi để điều chỉnh biến động, sau khi điều chỉnh xong thì giao lại cho ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T theo sự tự nguyện của ông Quách Thái H, bà Nguyễn Thị Thu S1.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí là 40.434.600 (bốn mươi triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm) đồng, tuy nhiên ông Nguyễn Văn K thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền án phí là 20.217.000 (hai mươi triệu hai trăm mười bảy nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho nguyên đơn ông Quách Thái H, bà Lê Thị Thu S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.975.000 (mười tám triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011321 ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006744 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Nguyễn Thị T đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Ông Nguyễn Văn K được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng GD,KT,TT&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt